

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24A/2026/HNGĐ-ST

Ngày 13-02-2026

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Bùi Văn Khương

Ủng hộ - **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:**
Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đặng Thị M**; nơi cư trú: **Tổ dân phố N, phường H, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Dương Quang H**; nơi cư trú: **Tổ dân phố N, phường H, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị **Đặng Thị M** trình bày:*

Chị **Đặng Thị M** kết hôn với anh **Dương Quang H** do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15 tháng 8 năm 2005. Sau khi kết hôn, hai bên về chung sống tại địa chỉ **xã A, huyện A (nay là phường**

H, thành phố Hải Phòng). Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã, bất hòa. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Quang H.

Về con chung: Chị Đặng Thị M và anh Dương Quang H có 02 con chung là Dương Minh C, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và Dương Đăng Bảo H1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Dương Đăng Bảo H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; con chung Dương Minh C đã trưởng thành do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Dương Quang H có bản tự khai tại Tòa án và trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đặng Thị M về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án cho ly hôn chị Đặng Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Minh C, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và Dương Đăng Bảo H1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016. Hiện tại cháu Bảo H1 đang sinh sống với anh. Ly hôn, anh nhất trí đề nghị Tòa án giao con chung Dương Đăng Bảo H1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; con chung Dương Minh C đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Đặng Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị M và anh Dương Quang H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quan điểm như bản tự khai đã gửi Tòa án. Chủ tọa phiên tòa công bố lý do vắng mặt của các đương sự; công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; các đương sự chấp hành đúng các quy định về tố tụng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án xét thấy mâu thuẫn giữa chị **M** và anh **H** đã trầm trọng, vợ chồng sống y thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị **M** có đơn xin ly hôn anh **H** là có cơ sở cần được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị **Đặng Thị M** được ly hôn anh **Dương Quang H**; giao con chung **Dương Đăng Bảo H1** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không xét. Đối với con **Dương Đăng Bảo H1**, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn là chị **Đặng Thị M** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh **Dương Quang H** cư trú tại **Tổ dân phố N, phường H, thành phố Hải Phòng** nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị **Đặng Thị M** và anh **Dương Quang H** cùng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị **Đặng Thị M** và anh **Dương Quang Hòa kết H2** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15 tháng 8 năm 2005 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung. Từ năm 2025 đến nay hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án hai bên cùng có bản tự khai xác định mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy, việc chị **M** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh **H** là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị **Đặng Thị M** và anh **Dương Quang H** có 02 con chung là **Dương Minh C**, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2005 và **Dương Đặng Bảo H1**, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016. Con chung **Dương Minh C** đã thành niên nên không xét. Hiện tại cháu **Dương Đặng Bảo H1** đang sống với anh **H** và có đơn trình bày nguyện vọng được sống với bố. Tại bản tự khai, các bên nhất trí giao con chung cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị **M**, giao con **Dương Đặng Bảo H1** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị **Đặng Thị M** và anh **Dương Quang H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí:

[7] Chị **Đặng Thị M** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số tiền của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Quốc hội;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị M** được ly hôn anh **Dương Quang H**;

2. Về con chung: Giao con chung **Dương Đặng Bảo H1**, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2016 cho anh **Dương Quang H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Đặng Thị M** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị **M** đã nộp theo Biên lai thu tiền số **0003766 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng**. Chị **Đặng Thị M** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Thùy Linh